

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24-7-2019
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Vĩnh Kỳ

Ông Nguyễn Duy Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hoàng Huy là Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 28/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vu M (Vũ M), sinh năm 1973;

Quốc tịch: Hoa Kỳ

Địa chỉ: USA

Ông Vu M (Vũ M) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và ủy quyền cho bà Lê Thị Lan A nhận các văn bản tố tụng trong vụ án (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/3/2019)

- Bị đơn: Bà Lê Thị Lan A, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: thôn A, xã ĐK, huyện TL, tỉnh Bình Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 15/3/2019, nguyên đơn - ông Vu M (Vũ M) trình bày:

1. Về hôn nhân:

Ông và bà Lê Thị Lan A quen biết, tìm hiểu và quyết định tiến tới hôn nhân, thủ tục kết hôn được đăng ký vào ngày 17/10/2014 tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Sau khi kết hôn, hai người không sống chung với nhau mà ông phải về sinh sống và làm việc tại Hoa Kỳ. Khoảng thời gian đầu, ông và bà Lê Thị Lan A thường xuyên trao đổi, liên lạc với nhau. Ông cũng đã làm thủ tục để bảo lãnh bà Lê Thị Lan A sang Hoa Kỳ nhưng không được. Sau đó, bà A sinh con, ông có gửi tiền về cho bà A nuôi con nhưng không sang Việt Nam thăm do điều kiện không cho phép. Thời gian sau đó, hai người rất ít liên lạc với nhau.

Vì thời gian xa cách nhau quá lâu, không gặp gỡ nhau nên tình cảm của hai người ngày càng phai nhạt, nên nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị Lan A.

2. Về con chung: Giữa ông và bà Lê Thị Lan A có 01 con chung tên Vũ Mát T (sinh ngày 04/7/2015). Do từ nhỏ con đã ở với mẹ nên ông đồng ý giao con cho bà Lê Thị Lan A tiếp tục nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống, ông và bà Lê Thị Lan A không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/6/2019 và tại phiên tòa, bị đơn - bà Lê Thị Lan A trình bày:

Bà và ông Vu M (Vũ M) quen biết, tìm hiểu nhau, sau đó quyết định đăng ký kết hôn vào ngày 17/10/2014 tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Vũ Mát T (sinh ngày 04/7/2015), còn tài sản chung và nợ chung không có. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Vu M (Vũ M), bà có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông Vũ M.

- Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi con chung là cháu Vũ Mát T, còn về cấp dưỡng thì hai người tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Ông Vu M (Vũ M) có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử

tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Vu M (Vũ M) là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, khoản 2 Điều 123, khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vu M (Vũ M):

+ Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Vu M (Vũ M) đối với bà Lê Thị Lan A.

+ Về con chung: giao cháu Vũ Mát T (sinh ngày 04/7/2015) cho bà Lê Thị Lan A tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Ông Vu M (Vũ M) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ lời khai của đương sự và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – bà Lê Thị Lan A đề nghị không tiến hành hòa giải; Nguyên đơn - ông Vu M (Vũ M) có đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải và tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với nguyên đơn là đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 207 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Vu M (Vũ M) và bà Lê Thị Lan A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận vào ngày 17/10/2014. Theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Tuy nhiên, sau khi kết hôn ông Vu M (Vũ M) phải về sinh sống và làm việc tại Hoa Kỳ. Khoảng thời gian đầu, ông Vu M (Vũ M) và bà Lê Thị Lan A có trao đổi, liên lạc với nhau nhưng sau đó vợ chồng ít liên lạc. Vì thời gian xa cách nhau quá lâu, không gặp gỡ nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, nên nay ông Vu M (Vũ M) làm đơn xin ly hôn. Đối với yêu cầu ly hôn của ông Vu M (Vũ M), bà Lê Thị Lan A đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa hai bên không thể hàn gắn, đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Vu M (Vũ M) như ý kiến của Kiểm sát viên.

[4] Về con chung: Cháu Vũ Mát T, sinh ngày 04/7/2015 là con chung của ông Vu M (Vũ M) và bà Lê Thị Lan A. Bà Lê Thị Lan A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi cháu sinh ra cho đến nay và vẫn đảm bảo

mọi quyền lợi cho cháu. Bà Lan A yêu cầu được nuôi cháu Vũ Mát T. Ông Vu M (Vũ M) cũng đồng ý giao cháu Vũ Mát T cho bà Lê Thị Lan A tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu khôn lớn, trưởng thành. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu Vũ Mát T cho bà Lan A tiếp tục nuôi dưỡng đúng theo nguyện vọng của các bên.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Vu M (Vũ M) và bà Lê Thị Lan A đều không yêu cầu giải quyết, để hai bên tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Vu M (Vũ M) và bà Lê Thị Lan A đều thống nhất trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Ông Vu M (Vũ M) là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123; khoản 1 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vu M (Vũ M):

1. Về hôn nhân: Ông Vu M (Vũ M) được ly hôn với bà Lê Thị Lan A.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Mát T (sinh ngày 04/7/2015) cho bà Lê Thị Lan A tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, ông Vu M (Vũ M) và bà Lê Thị Lan A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Ông Vu M (Vũ M) phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0027391 ngày 13/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận. Ông Vu M (Vũ M) đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật;

Bị đơn có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- UBND tỉnh Bình Thuận;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái